TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số:213/2023/DS-ST
Ngày: 07-7-2023.
V/v: Tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Long

2. Bà Nguyễn Thị Hồng H

- Thư ký phiên tòa: Bà Bế Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:77/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:77/2023/QĐXX-ST ngày 23 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Phương K, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Phương K trình bày: Trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến năm 2022, anh có tham gia 04 dây hụi do bà Nguyễn Thị Mỹ H làm đầu thảo, anh đóng hụi đầy đủ và chưa hốt hụi nhưng đến ngày mùng 5 tháng 02 (âm lịch) năm 2023, bà H ngưng hụi và không giao trả tiền hụi cho anh. Ngày 05/5/2023, anh và bà H thống nhất làm giấy nợ, nội dung bà H nợ anh tổng số tiền hụi 254.000.000đồng và bà H hứa bán đất sẽ trả một lần. Tuy nhiên, việc bán đất cứ kéo dài và không xác định rõ thời gian nên đã làm ảnh hưởng quyền lợi của anh. Nay anh yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ H phải trả anh toàn bộ số tiền hụi 254.000.000đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày: Bà thừa nhận quá trình tham gia hụi đúng như anh K trình bày nhưng việc hụi ngưng là do nhiều hụi viên không đóng hụi cho bà. Sau khi ngưng hụi các hụi viên chưa hốt hụi đều đồng ý chỉ lấy tiền hụi vốn đã đóng nhưng chỉ có anh K là đòi theo giá hụi chết. Nay bà chỉ đồng ý trả anh K số tiền hụi 166.800.000đồng và khi nào bán được đất sẽ trả.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn anh Lê Phương K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ H trả anh số tiền hụi 254.000.000đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H xin trả số tiền vốn anh Lê Phương K đã đóng hụi là 166.800.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Lê Phương K yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ H trả tiền hụi nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng góp hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H có nơi cư trú tại xã Song Thuận, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2023, nguyên đơn anh Lê Phương K yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ H trả số tiền hụi 276.000.000đồng; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn xác định yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ H trả số tiền hụi 254.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh Lê Phương K yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ H trả số tiền hụi 254.000.000đồng. Xét thấy việc giao kết hợp đồng góp hụi giữa anh K và bà H tuy không có lập bằng văn bản, chỉ có giấy hụi nhưng được hai bên thống nhất thừa nhận có thỏa thuận về thời gian mở hụi, quá trình tham gia hụi nên Hội đồng xét xử xác định hợp đồng góp hụi giữa anh Lê Phương K và bà Nguyễn Thị Mỹ H là có thật. Tại "Giấy nợ" ngày 5/5/2023 thể hiện bà Nguyễn Thị Mỹ H có thiếu anh Lê Phương K số tiền hụi 254.000.000đồng, bà H thừa nhận có ký giấy nợ và biết rõ nội dung ghi nhận tại giấy nợ nên đã có đủ căn cứ xác định bà H nợ anh K số tiền hụi 254.000.000đồng. Tại "Giấy nợ" có ghi nhận thời điểm trả là khi nào bà H bán được đất, các bên thừa nhận không thể xác định được thời điểm bán đất nên đây nghĩa vụ không xác định thời hạn. Bà H thừa nhận anh K đã yêu cầu bà trả nợ liên tục nhiều tháng nay, điều này thể hiện anh K đã thực hiện việc thông báo trả nợ đối với nghĩa vụ trả nợ không kỳ hạn theo quy định pháp luật, tuy nhiên đến nay bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi đối với hụi viên. Do vậy, yêu cầu của anh K là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về ý kiến bà H cho rằng, sau khi ngưng hụi các hụi viên chưa hốt hụi đều đồng ý chỉ lấy tiền hụi vốn đã đóng nên bà chỉ đồng ý trả anh K số tiền hụi vốn anh K đã đóng 166.800.000đồng và khi nào bán được đất sẽ trả. Xét lý do này của bà H là không có căn cứ, bởi lẽ bà thừa nhận anh K đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ góp hụi, chưa được hốt hụi nên bà phải có nghĩa vụ giao hụi đầy đủ cho anh K theo quy định pháp luật về nghĩa vụ của chủ hụi. Mặt khác, tại "Giấy nợ" ngày 5/5/2023, bà đã ký nhận việc có thiếu anh K số tiền hụi 254.000.000đồng và tại phiên tòa bà cũng thừa nhận số nợ này nhưng xin anh K cho trả vốn, ý kiến này không được anh K chấp nhận và cũng không có căn cứ pháp luật. Ngoài ra, về thời điểm trả nợ bà cho rằng khi nào bán được đất mới trả nhưng thời điểm bán đất thì bà không thể xác định được nên lý do này thực chất là kéo dài thời gian trả nợ, không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu án phí trên số tiền phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Phương K.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H trả anh Lê Phương K số tiền hụi 254.000.000 (hai trăm năm mươi bốn triệu) đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Lê Phương K có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị Mỹ H còn phải chịu số tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 12.700.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Phương K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Lê Phương K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 6.900.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 21557 ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Anh Lê Phương K, bà Nguyễn Thị Mỹ H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Thị Kim Hương